

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 01 năm 2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Võ Thị Sơn**;

2/ Bà **Lê Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 777/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm: 1959 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); địa chỉ: Số nhà a, ấp X, xã H, huyện HT, tỉnh TN.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Tấn T**, sinh năm: 1958 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); địa chỉ: Số nhà a, ấp X, xã H, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim H và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hương trình bày thể hiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Đỗ Tấn T chung sống với nhau từ năm 1988, hôn nhân do tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là vì vợ chồng bà từng bị đổ vỡ trong hôn nhân, vợ chồng bà đến với nhau là chấp nối nên cũng không nghĩ đến việc đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên cuộc sống chung

không còn hạnh phúc, bà và ông Tài đã không còn sống chung vợ chồng từ năm 2003 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 người con tên Đỗ Sơn H, sinh năm 1991. Anh H đã thành niên tự lao động sinh sống được nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Bị đơn – ông Đỗ Tấn T, trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày thể hiện như sau:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn do ông T chỉ nghĩ đơn giản là vợ chồng yêu thương nhau thì về chung sống với nhau như vợ chồng, không biết là phải đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên cuộc sống chung của ông bà không còn hạnh phúc, ông bà đã không còn sống chung vợ chồng từ năm 2003 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý do không thể hàn gắn tình cảm được nữa.

Về con chung: Có 01 người con tên Đỗ Sơn H, sinh năm 1991. Anh H đã thành niên tự lao động sinh sống được nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:***

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: **Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H đối với ông T, do ông bà không có đăng ký kết hôn nên không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc ly hôn của bà; ông Đỗ Tấn T có địa chỉ thường trú tại số nhà Số nhà a, ấp X, xã H, huyện HT, tỉnh TN là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà H, ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà H và ông T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên việc chung sống của ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 người con tên Đỗ Sơn H, sinh năm 1991. Anh H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết.

[3] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Kim H và ông Đỗ Tấn T là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 người con tên Đỗ Sơn H, sinh năm 1991. Anh H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012673 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp xong án phí.

Báo cho bà H và ông T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG MỸ HUYỀN